

Tên:

Nghe:

Lớp: S4...

Ngày: Thứ, ngày/.....



♦ **Mẹo 1: Phân tích hình ảnh (Picture Analysis)**

👉 Trước khi nghe câu hỏi hoặc bài nghe, hãy nhìn kỹ hình ảnh đi kèm. Tập trung vào các chi tiết như:

- **Nhân vật:** Ai trong hình? Họ đang làm gì?
- **Địa điểm:** Hình ảnh xuất hiện ở đâu? Là ngoài trời hay trong nhà?
- **Thời gian:** Có thể xác định được thời gian không? (Ví dụ: sáng, chiều, mùa xuân, mùa hè)
- **Hành động:** Họ đang làm gì trong bức tranh? (Ví dụ: ăn, chơi thể thao, học bài)

Điều này sẽ giúp con hình dung bối cảnh và dễ dàng hiểu được nội dung bài nghe khi nghe sau đó.

📄 **Ví dụ:**

Hình ảnh có một người đàn ông đang đứng bên máy tính.

- **Nhân vật:** Người đàn ông.
- **Địa điểm:** Bàn làm việc, trong văn phòng.
- **Hành động:** Anh ấy đang làm việc.

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Con làm bài nghe theo link sau:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/flyers-2_test-2_part-4

Part 4

– 5 questions –

Listen and tick (✓) the box. There is one example.

What time will Oliver arrive at his cousin's house?



A ☐



B ☐



C ☒

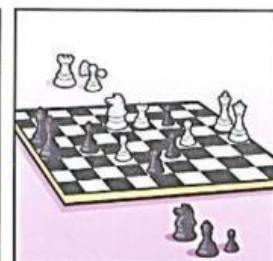
1 What does Oliver hope to do?



A ☐



B ☐



C ☐

2 What has Oliver not found yet?



A ☐

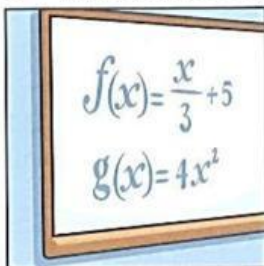


B ☐



C ☐

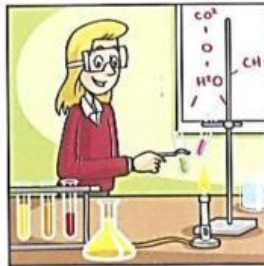
3 Which homework will Oliver take?



A ☐



B ☐



C ☐

4 What must Oliver remember to take?



A ☐



B ☐



C ☐

5 Who must Oliver send a message to?



A ☐



B ☐



C ☐

♦ **Mẹo 2: Chú ý bẫy trong bài nghe (Watch Out for Traps)**

👉 Trong khi nghe, hãy lưu ý những yếu tố dễ gây hiểu nhầm như:

- **Thông tin bị thay đổi:** Thường có 2–3 mốc thời gian hoặc lựa chọn, nhưng đáp án đúng là thông tin cuối cùng.
- **Câu phủ định:** Nếu nghe thấy *can't, don't, not*, hãy loại bỏ thông tin đi kèm ngay sau đó.
- **Từ khóa báo hiệu thay đổi:** Từ như *but, actually, so, in the end* thường xuất hiện ngay trước đáp án đúng.

📄 **Ví dụ:**

Câu hỏi: **What time** is the basketball practice?

A. 4:00 B. 4:30 C. 5:00

Bài nghe:

“The coach said practice would begin at **four o'clock (A)**, but then he changed it to **five (C)**. Actually, he just confirmed it'll start at **half past four (B)**.”

✅ **Đáp án đúng: B**

Vì “**Actually...**” → báo hiệu thông tin chính xác cuối cùng.

Con làm bài nghe theo link sau:

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/simply-cambridge-a2-key-for-schools-test-4-part-1>

Listening

PART 1 Questions 1-5

For each question, choose the correct picture.



1. What was the weather like on Sunday?



A



B



C

2. What will they do at the weekend?



A



B



C

3. How much did the boy's shorts cost?



A



B



C

4. What will they do on Monday?



A



B



C

5. What time will the girl's father meet her teacher?



A



B



C

Tên:

Ngữ pháp:

Lớp: S4...

Nghe:

Ngày giao bài: Thứ, ngày/.....

Mini Test:

Ngày nộp bài: Thứ, ngày/.....



Entertainment - Listening Intensive

A. EXTRA VOCABULARY

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	briefcase (n)	cặp tài liệu	4	sunbathe (v)	tắm nắng
2	get off (phr.v)	xuống, rời khỏi (xe buýt, tàu, máy bay...)	5	flour (n)	bột mì
3	department store (n)	cửa hàng bách hóa	6	underground (n)	tàu điện ngầm

❖ **Note:** *n = noun: danh từ; v = verb: động từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ.*

❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

B. HOMEWORK

I. Complete the sentences with the PAST CONTINUOUS form of the verbs in brackets.

0. Yesterday at 6 p.m., we were having (have) dinner.

1. Harry _____ (not listen), so he didn't know how to do the exercise.

2. Kate was lying on the beach and Anna _____ (eat) an ice cream.

3. My eyes were closed, but I _____ (not sleep).

4. At 1 a.m., Fred _____ still _____ (chat) with his friends on Facebook.

5. _____ you and Zoe _____ (argue)?

II. Complete the text with the PAST CONTINUOUS form of the verbs in the box.

~~rain~~

stand

wear

leave

follow

not wear

When I got off the coach in London, the weather was awful. It (0) was raining and there was a cold wind. A short, fat man, who (1) _____ a hat and was carrying a small briefcase, got off after me. It was five o'clock and lots of people (2) _____ work and were hurrying to catch the bus or the underground. I (3) _____ a raincoat so I went into a department store and bought a cheap umbrella. When I came out, the short, fat man from the bus (4) _____ outside the department store. (5) _____ he _____ me?



III. What was happening at the park yesterday afternoon? Complete the sentences, using the verbs and phrases below using the PAST CONTINUOUS.

text	shine
phone someone	sunbathe
listen to music	have a picnic

0. Tom was texting.

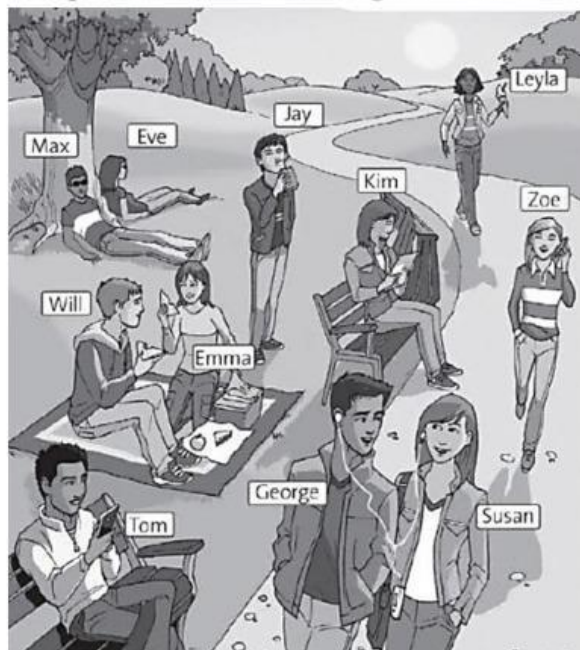
1. Will and Emma _____.

2. Max and Eve _____.

3. George and Susan _____.

4. Zoe _____.

5. The sun _____.



IV. What were you doing at these times? Write true answers about yourself using the PAST CONTINUOUS.

0. What were you doing at 1.30 p.m. yesterday?

→ I was visiting my grandparents.

1. What were you doing on this day last year?

→ _____.

2. What were you doing at 7.30 p.m. yesterday?

→ _____.

3. What were you doing at 10.30 p.m. yesterday?

→ _____.

4. What were you doing at 3 a.m. this morning?

→ _____.

5. What were you doing at 8.30 a.m. this morning?

→ _____.

Con làm bài nghe theo link sau:

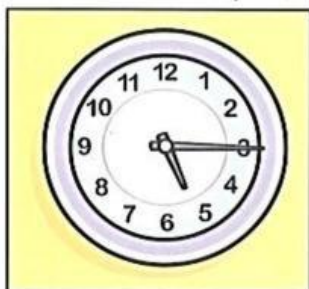
https://soundcloud.com/ms-chi-english/flyers-2_test-3_part-4

Part 4

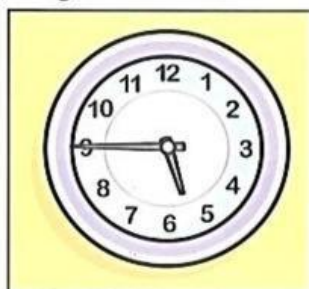
– 5 questions –

Listen and tick (✓) the box. There is one example.

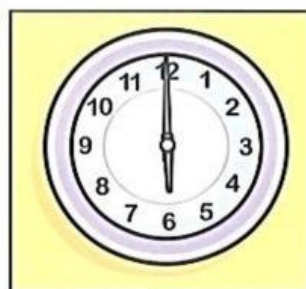
What time will Sophia's family leave home tomorrow?



A ☐

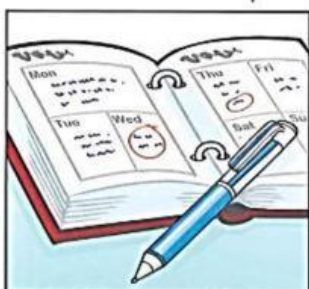


B ☐



C ☒

1 What must Sophia put in her backpack tonight?



A ☐



B ☐



C ☐

2 Where is the hotel?



A ☐

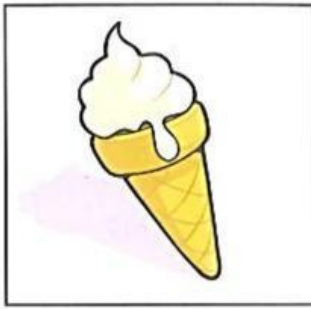


B ☐

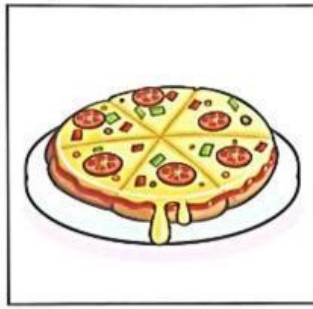


C ☐

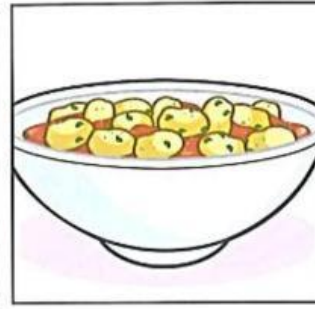
3 Which new food will Sophia eat?



A ☐



B ☐

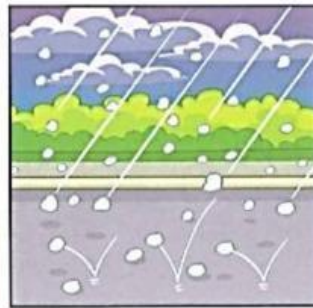


C ☐

4 What will the weather be like?



A ☐

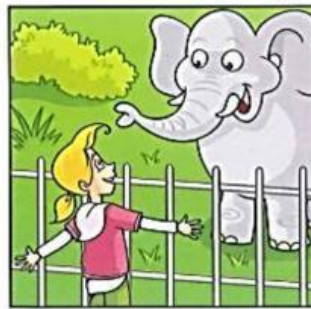


B ☐



C ☐

5 What is Sophia going to do on holiday?



A ☐



B ☐



C ☐